

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SMART GREEN SOLUTION VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SMART GREEN SOLUTION VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SMART GREEN SOLUTION VIET NAM TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SGST

2. Mã số doanh nghiệp: 0109290233

3. Ngày thành lập: 31/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Cổ Diễn, Xã Hải Bối, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963411828

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
2.	Lắp đặt hệ thống điện	4321(Chính)
3.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
4.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
5.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
6.	Xây dựng công trình điện	4221
7.	Truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải và phân phối hệ thống điện quốc gia)	3512
8.	Sản xuất điện	3511
9.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
10.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
11.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
12.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
18.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4610
19.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512

20.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
21.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
22.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
23.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
24.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
25.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
26.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
27.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4513
28.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
29.	Bán buôn đồ uống	4633
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
31.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
32.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
33.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
34.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
35.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
36.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
37.	Bốc xếp hàng hóa	5224
38.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
39.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
40.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
41.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
42.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
43.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Hoạt động phiên dịch; - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về công nghệ khác;	7490
44.	Cho thuê xe có động cơ	7710

45.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
46.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
47.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
48.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
49.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Dạy bay; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
50.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
51.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
52.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
53.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
54.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
55.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
56.	Xây dựng nhà không để ở	4102
57.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
59.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
60.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
61.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
62.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
63.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
64.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
65.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
66.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
67.	Lập trình máy vi tính	6201
68.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
69.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

70.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
71.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
72.	Quảng cáo	7310
73.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	8010
74.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
75.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
76.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
77.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: - Phòng khám đa khoa; - Phòng khám chuyên khoa, bác sỹ gia đình;	8620
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (loại trừ Dịch vụ báo cáo tòa án, đấu giá độc lập)	8299
79.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
80.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
81.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
82.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN TUẤN ANH	Thôn Xuân Hùng, Xã Hùng Tiến, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	800.000.000	40,000	031081002171	
2	CHU THỊ HỒNG HÀ	P1005 nhà NO12-3 KĐT Sài Đồng tổ 16, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.200.000.000	60,000	001181014084	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CHU THỊ HỒNG HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 21/07/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001181014084

Ngày cấp: 29/08/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P1005 nhà NO12-3 KĐT Sài Đồng, tổ 16, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P1005 nhà NO12-3 KĐT Sài Đồng, tổ 16, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội